

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2024/DS-PT
Ngày: 19-8-2024
V/v: *Tranh chấp chia tài sản
chung là quyền sử dụng đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hòa.

Các Thẩm phán:

Bà Phạm Phong Lan

Ông Lê Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 6 năm 2024 về việc: *“Tranh chấp chia tài sản chung là quyền sử dụng đất”*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 163/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Liêng Tấn T – sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Liêng Tấn C – sinh năm 1948 (có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Hoàng Thị H – sinh năm 1961 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Khu phố L, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị H – sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người kháng cáo: Ông Liêng Tấn T là nguyên đơn và ông Liêng Tấn C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại phiên toà nguyên đơn ông Liêng Tấn T trình bày:

Vào năm 1976 mẹ đẻ của ông là bà Trần Thị T1 - sinh năm 1953 (hiện trú tại số 28, đường Kim Đồng, khu phố 2, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận) có nhận chuyển nhượng của bà Đỗ Thị S (trú tại thôn 3, xã T1, huyện H, tỉnh Thuận Hải, nay là tỉnh Bình Thuận) 01 thửa đất có diện tích 2.100 m² tọa lạc tại thôn 3, xã T1 cũ, nay thuộc khu phố L, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận diện tích đất trên giáp ranh tại thời điểm sang nhượng: Đông giáp đường 712 (km30 đi Tân Thuận), Tây giáp ruộng bà Nguyễn Thị N, Nam giáp đất ông Lê B, Bắc giáp đất ông Đặng M; trên đất có 01 căn nhà chát vách đất lợp lá kè. Trong quá trình sử dụng đã khai phá thêm diện tích 749,5 m², hiện nay diện tích thửa đất sau khi đo đạc lại là 2.838,5 m², tọa lạc tại khu phố L, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Đến năm 1978, thì bà T1 (mẹ ông T) tự nguyện sống chung với ông Liêng Tấn C và có 02 con chung với nhau một con trai tên Liêng Tấn T sinh năm 1978, con gái Liêng Thị Kim L sinh năm 1981, trong thời gian bà T1 và ông C sống chung đã ở và canh tác trên diện tích đất nói trên. Năm 1981, ông C và bà T1 nảy sinh mâu thuẫn nên bà T1 đã cùng đưa con gái nhỏ về P ở, khi ra đi bà T1 để lại tài sản diện tích đất 2.100 m² và căn nhà nêu trên. Khi mẹ ông mang em gái ông về P sinh sống, cha ông cũng đóng cửa không ở (về sau cũ nát bị phá bỏ) mà mang ông về ở cùng với bà nội của ông tại nhà của bà nội ông ở gần đó. Vào năm 1988 thì cha ông lấy bà Hoàng Thị H và cùng nhau sinh sống ở nhà bà nội của ông, ông Liêng Tấn T đã cùng canh tác trên thửa đất từ khi còn 7 - 8 tuổi (phụ mang nước, nhổ cỏ...), đến năm 13- 14 tuổi trở đi thấy ông làm được việc thì cha ông giao hẳn cho ông canh tác, còn bà H từ khi lấy cha ông về chỉ ở nhà nội trợ và nuôi các em cùng cha khác mẹ với ông. Ông đi làm được bao nhiêu tiền về thì đưa hết cho cha ông quản lý và sử dụng vào sinh hoạt chung của gia đình, mua sắm phân bón, thuốc trừ sâu, đóng thuế cho nhà nước và đầu năm 2011 thì thuê người đổ đất san lấp thành diện tích đất như hiện nay. Khoảng giữa năm 2011 ông T lấy vợ, hai vợ chồng cùng sinh sống với cha ông, bà H và các em cùng cha khác mẹ trên căn nhà của bà nội ông để lại (bà nội ông mất năm 1995). Khi vợ ông có bầu không đi làm được, chỉ ở nhà nội trợ thì giữa vợ chồng ông và cha ông, bà H xảy ra mâu thuẫn, ông C, bà H đuổi vợ chồng ông T ra khỏi nhà không cho nhà cửa đất cát nên hiện nay ông T không có đất ở, canh tác làm ăn sinh sống. Từ khi hai cha con xảy ra mâu thuẫn vào cuối năm 2011 thì ông không còn canh tác trên diện tích đất mà mẹ ông để lại nữa, vào năm

2018 thì cha ông tự trồng trụ bê tông, giăng dây thép gai và trồng cây Bạch đàn trên diện tích đất nói trên.

Tại phiên tòa, ông Liêng Tấn T yêu cầu Tòa án chia đôi quyền sử dụng đất 2.838,5 m² (theo kết quả đo đạc gần nhất) thuộc thửa đất số 209, tọa lạc tại khu phố L, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Đối với số cây Bạch đàn do ông Liêng Tấn C trồng trên phần đất ông T được chia sẽ do ông toàn quyền quản lý và sử dụng, ông sẽ trả lại tiền cho ông Liêng Tấn C theo số lượng cây trên đất mà ông được chia; còn số trụ bê tông và dây thép gai trên phần đất mà ông được chia do cha ông làm vào năm 2018 thì ông yêu cầu cha ông (ông C) tháo dỡ, trả lại mặt bằng cho ông.

Bị đơn ông Liêng Tấn C trình bày:

Diện tích đất mà ông Liêng Tấn T yêu cầu chia tài sản có nguồn gốc là của ông Sáu T2 (người P) sử dụng, năm 1984, do ông C đã làm thuê cho ông Sáu T2, ông T2 không có tiền trả công, ông T2 về lại Phan Thiết sống đã hoàn công trị giá thửa đất lúc đó 5.000 đồng cho ông C. Năm 1986, ông khai phá thêm, kê khai và đóng thuế; đến năm 1988 ông lấy vợ sau tên Hoàng Thị H có đăng ký kết hôn và cất căn nhà tạm trên diện tích đất nói trên để sinh sống. Năm 1995, mẹ ruột ông chết nên vợ chồng ông về nhà cha mẹ đẻ ở nhưng vẫn canh tác trên thửa đất này. Vào năm 2011 ông có đồ đất bồi thêm dự định để xây nhà, với tổng diện tích 2.849,5 m² (kết quả đo đạc gần nhất là 2.838,5 m²). Nay ông Liêng Tấn T yêu cầu Tòa án chia đôi diện tích đất 2.838,5 m² tọa lạc tại khu phố L, thị trấn T, huyện H thì ông không đồng ý vì quyền sử dụng thửa đất này là tài sản của riêng ông, do ông tạo lập, không liên quan gì đến ông Liêng Tấn T và bà Trần Thị T1. Đồng thời trước đây ông đã cho con ông là Liêng Tấn T nhiều tài sản khác như bò, xe, 125 m² đất thổ cư và 6.000 m² đất ruộng ở khu phố L, thị trấn T, huyện H và thửa đất có 400 trụ thanh long ở xã Tân Lập, huyện H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị H trình bày:

Vào năm 1988 bà kết hôn với ông Liêng Tấn C, khi lập gia đình thì vợ chồng bà có xây dựng căn nhà mái lá vách đất để sinh sống trên mảnh đất có diện tích 2.849,5 m² (kết quả đo đạc hiện tại là 2.838,5 m²) tọa lạc tại đường Nguyễn Minh Châu thuộc khu phố L, thị trấn T, huyện H. Đến năm 1995, vợ chồng bà mới chuyển về nhà mẹ chồng sinh sống nhưng vẫn canh tác trên diện tích đất này. Đến năm 2012 vợ chồng bà thuê ông Huỳnh B1 cùng trú tại địa phương đồ đất để trồng cây thanh long và làm nhà ở. Vợ chồng bà đã đồ đất là 175 xe giá tiền 600.000 đồng/xe, tổng chi phí đồ đất hết 105.000.000 đồng. Vợ chồng bà đã san bằng các thửa đất trên thành 01 thửa duy nhất với diện tích hiện nay là 2838,5 m². Hiện nay vợ chồng bà đã trồng cây bạch đàn trên diện tích đất và trồng trụ bê tông giăng dây thép gai xung quanh thửa đất.

Nay ông Liêng Tấn T khởi kiện đòi chia đôi diện tích đất nói trên thì bà không đồng ý vì nguồn gốc đất là do chồng bà ông Liêng Tấn C nhận hoàn công từ ông S vào năm 1984, một phần do bà khai hoang vào năm 1986 và đăng ký kê khai sử dụng liên tục cho đến nay. Do vậy, diện tích đất này không phải là tài sản chung của chồng bà và ông Liêng Tấn T, diện tích đất này có phần công sức đóng góp của bà. Ông Liêng Tấn T sinh năm 1978, tại thời điểm chồng bà nhận hoàn công từ ông Sáu T2 vào năm 1984 và khai hoang thêm đất vào năm 1986 thì lúc này ông T mới chỉ khoảng 6-7 tuổi, đang chung sống cùng hộ khẩu với mẹ chồng bà và ông T cũng không canh tác cùng với vợ chồng bà, không có đóng góp công sức liên quan đến diện tích đất này. Từ trước đến nay chỉ có vợ chồng bà canh tác trên diện tích đất này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phạm Thúc L là luật sư được bị đơn ông Liêng Tấn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị H ủy quyền đã trình bày: về nội dung nguồn gốc đất tranh chấp là do bị đơn ông Liêng Tấn C nhận hoàn công của ông S vào năm 1984 được 02 ô ruộng, đến năm 1986 thì ông C khai phá thêm 02 ô ruộng nữa mà chia làm 04 ô không bằng nhau để trồng lúa nước. Vào năm 2011 ông Liêng Tấn C mới thuê ông Huỳnh B người cùng địa phương đồ 175 xe đất để gom 04 ô ruộng thành một ô như diện tích hiện nay. Năm 1988 thì ông C lấy bà Hoàng Thị H từ đó thì bà H cùng với ông C canh tác diện tích đất này, do vậy ông Liêng Tấn T yêu cầu chia đôi diện tích thửa đất số 209, tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại khu phố L, thị trấn T là không có cơ sở chấp nhận.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 208, Điều 210, Điều 219 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử:

- Chia cho ông Liêng Tấn T diện tích là 946,3 m² đất (Chín trăm bốn mươi sáu phẩy ba mét vuông) trong đó có 52,6 m² (Năm mươi hai phẩy sáu mét vuông) đất thuộc hành lang an toàn giao thông đường bộ được xác định bằng các tọa độ khép kín (11-12-13-14-15-16-17-18-19-20-21-22-11) theo mảnh chính lý của Văn phòng đăng ký đất đai H xác lập ngày 12/01/2024. Diện tích đất nói

trên thuộc thửa số đất 209, tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại khu phố L, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Ông Liêng Tấn T được quyền sử dụng, định đoạt toàn bộ số cây bạch đàn trên diện tích đất được chia.

- Chia cho ông Liêng Tấn C 1.892,2 m² đất (*Một ngàn tám trăm chín mươi hai phẩy hai mét vuông*) trong đó có 104,7 m² (*Một trăm không bốn phẩy bảy mét vuông*) đất thuộc hành lang an toàn giao thông đường bộ được xác định bằng các tọa độ khép kín (1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-22-23-1) theo mảnh chính lý của Văn phòng đăng ký đất đai H xác lập ngày 12/01/2024. Diện tích đất nói trên thuộc thửa số đất 209, tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại khu phố L, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Buộc ông Liêng Tấn T phải trả cho vợ chồng ông Liêng Tấn C và bà Hoàng Thị H 13.125.000 đồng tiền cây trên diện tích đất mà ông T được chia. Ông T có toàn quyền sử dụng số cây trên phần diện tích đất được chia.

- Buộc ông Liêng Tấn C và bà Hoàng Thị H tháo dỡ trụ bê tông và hàng rào dây thép gai trên phần diện tích đất được chia của ông Liêng Tấn T để trả lại mặt bằng cho ông T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 01 tháng 4 năm 2024, bị đơn ông Liêng Tấn C kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024, nguyên đơn ông Liêng Tấn T kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;
- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:
 - + Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.
 - + Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại

pH tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Liêng Tấn T trong thời hạn luật định, nộp tạm ứng án phí đúng thời gian quy định và đơn kháng cáo của bị đơn ông Liêng Tấn C làm trong thời hạn luật định, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí. Nội dung kháng cáo nằm trong phạm vi bản án sơ thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng: Đối tượng tranh chấp là quyền sử dụng đất tại địa bàn thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận và bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn T, huyện H; do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện H đã xác định đúng quan hệ pháp luật, đưa đầy đủ những người tham gia tố tụng. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn; còn bị đơn đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn và công nhận diện tích đất tranh chấp thuộc sở hữu của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Nguyên đơn ông Liêng Tấn T yêu cầu ông Liêng Tấn C chia đôi quyền sử dụng đất 2.838,5 m² (theo kết quả đo đạc gần nhất) thuộc thửa đất số 209, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại khu phố L, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Đối với số cây Bạch đàn do ông Liêng Tấn C trồng trên phần đất ông T được chia sẽ do ông toàn quyền quản lý và sử dụng, ông sẽ trả lại tiền cho ông Liêng Tấn C theo số lượng cây trên đất mà ông được chia; còn số trụ bê tông và dây thép gai trên phần đất mà ông được chia do cha ông làm vào năm 2018 thì ông yêu cầu cha ông (ông C) tháo dỡ, trả lại mặt bằng cho ông.

[2.2] Bị đơn ông Liêng Tấn C không đồng ý vì quyền sử dụng thửa đất này là tài sản của riêng ông, do ông tạo lập, không liên quan gì đến ông Liêng Tấn T và bà Trần Thị T1. Đồng thời trước đây ông đã cho con ông là Liêng Tấn T nhiều tài sản khác như bò, xe, 125 m² đất thổ cư và 6.000 m² đất ruộng ở khu phố L, thị trấn T, huyện H và thửa đất có 400 trụ thanh long ở xã T1, huyện H.

[3] Tại bản án dân sự số: 31/2017/DS-ST ngày 17/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện H cũng như Công văn số 1034/UBND-TNMT ngày 28/5/2021 của UBND huyện H xác định diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 209 mảnh chính lý

địa chính số 02-2006 đo vẽ ngày 02/01/2006 tọa lạc tại khu phố L, thị trấn T, huyện H có nguồn gốc là do bà Trần Thị T1 (mẹ ruột của ông Liêng Tấn T) nhận sang nhượng từ năm 1976 của bà Đỗ Thị S, sau đó bà T1 và ông C cùng canh tác sử dụng. Đến khoảng năm 1981-1982 thì bà T1 cùng con gái bỏ về P, Bình Thuận sống đến nay. Ông Liêng Tấn C sống cùng con trai Liêng Tấn T sinh năm 1978, trực tiếp canh tác sử dụng, khi ông T lớn biết lao động thì ông C và ông T liên tục, trực tiếp canh tác trên diện tích đất trên, chủ yếu trồng lúa và trồng hoa màu liên tục đến năm 2011 thì đổ đất, đến năm 2013 ông C kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất, năm 2014 thì bà T1 có đơn tranh chấp với ông Liêng Tấn C.

Tòa án nhân dân huyện H xác định ông Liêng Tấn C, sau này cùng ông Liêng Tấn T canh tác sử dụng liên tục từ năm 1981 đến năm 2013 khi đăng ký quyền sử dụng đất đã trên 30 năm. Phù hợp theo quy định tại Điều 247 Bộ luật dân sự 2005. Vì vậy, diện tích 2.849,5 m² (theo kết quả đo đạc gần nhất hiện nay là 2.838,5 m²) thuộc thửa đất số 209, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại khu phố L, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận do ông Liêng Tấn C và ông Liêng Tấn T chiếm hữu ngay tình công khai liên tục trên 30 năm thì trở thành chủ sở hữu tài sản bất động sản đó.

Bản án dân sự số 31/2017/DS-ST, ngày 17/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện H không bị kháng cáo, kháng nghị và đã có hiệu lực pháp luật do vậy đây là những chứng cứ không phải chứng minh về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp cũng như quyền sở hữu đối với diện tích đất 2.849,5 m² (số liệu đo đạc thực tế là 2.838,5 m²) đất thuộc thửa 209, tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại khu phố L, thị trấn T, huyện H theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Mẹ ông Liêng Tấn T là bà Trần Thị T1 cùng con gái bỏ về P sinh sống từ năm 1981, lúc đó ông T mới được 03 tuổi, việc canh tác, sử dụng diện tích đất mà bà T1 để lại cho hai cha con trồng lúa và trồng hoa màu chủ yếu là do ông Liêng Tấn C làm. Đến khi ông T được 7-8 tuổi mới phụ giúp ông C những việc như mang nước, nhổ cỏ và phải đến khi ông T được 13-14 tuổi thì cùng với cha mình canh tác trên diện tích đất nói trên đến năm 2011. Vào năm 1988 thì ông Liêng Tấn C lấy bà Hoàng Thị H, từ đó bà H cũng có công sức trong việc canh tác, chăm sóc và ông C cũng đưa ra được bằng chứng việc hàng năm đóng thuế nông nghiệp cho nhà nước. Do vậy, công sức đóng góp vào việc canh tác, sử dụng diện tích đất nói trên của ông Liêng Tấn C là nhiều hơn. Ông Liêng Tấn T mặc dù cũng bỏ nhiều công sức vào việc phụ giúp cha mình là ông Liêng Tấn C canh tác, trồng trọt hoa màu trên diện tích đất đang tranh chấp nhưng vì lúc mẹ ông bỏ về P sinh sống thì ông còn quá nhỏ, mãi cho đến năm 1992-1993 khi ông T được khoảng 13-14 tuổi mới phụ giúp nhiều hơn cho cha mình.

[5] Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia cho ông Liêng Tấn T 1/3 diện tích đất 2.838,5 m² (*Hai ngàn tám trăm ba mươi tám phẩy năm mét vuông*) thuộc thửa số thửa 209, tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại khu phố L, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận có diện tích là 946,3 m² (*Chín trăm bốn mươi sáu phẩy ba mét vuông*) trong đó có 52,6 m² (*Năm mươi hai phẩy sáu mét vuông*) đất thuộc hành lang an toàn giao thông đường bộ được xác định bằng các tọa độ khép kín (11-12-13-14-15-16-17-18-19-20-21-22-11). Ông Liêng Tấn C được chia 2/3 diện tích đất 2.838,5 m² (*Hai ngàn tám trăm ba mươi tám phẩy năm mét vuông*) có diện tích là 1.892,2 m² (*Một ngàn tám trăm chín mươi hai phẩy hai mét vuông*) trong đó có 104,7 m² (*Một trăm lẻ bốn phẩy bảy mét vuông*) đất thuộc hành lang an toàn giao thông đường bộ được xác định bằng các tọa độ khép kín (1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-22-23-1) theo mảnh chính lý của Văn phòng đăng ký đất đai H xác lập ngày 12/01/2024 là phù hợp.

[6] Theo biên bản định giá vào ngày 06/11/2023 thì diện tích thửa đất tranh có giá trị là 681.921.240 đồng và trị giá tài sản gắn liền với đất (số cây bạch đàn) là 39.375.000 đồng.

[7] Đối với số cây Bạch đàn trồng trên diện tích đất tranh chấp là do vợ chồng ông C, bà H trồng vào năm 2018, được định giá là 39.375.000 đồng. Do vậy, ông Liêng Tấn T có trách nhiệm trả 1/3 số tiền này cho vợ chồng ông C, bà H. Ông T có toàn quyền sử dụng, định đoạt đối với cây Bạch đàn trên phần diện tích được chia.

[8] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ để xét xử và tuyên xử như trên là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Liêng Tấn T và ông Liêng Tấn C. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không tuyên phần lãi suất chậm thi hành đối với phần hoàn lại trị giá tài sản bằng tiền là chưa phù hợp. Để đảm bảo việc thi hành án và giải quyết toàn diện vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm sẽ điều chỉnh lại đối với phần quyết định của Bản án sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện H. Việc vi phạm này không làm thay đổi bản chất của vụ án tuy nhiên cấp sơ thẩm cần phải nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông Liêng Tấn T và Liêng Tấn C không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, ông Liêng Tấn C là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của ông Liêng Tấn T và ông Liêng Tấn C: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2024/DS-ST ngày 22/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện H.

2. Áp dụng: - Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 208, Điều 210, Điều 219, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

3. Tuyên xử:

- Chia cho ông Liêng Tấn T diện tích là 946,3 m² đất (*Chín trăm bốn mươi sáu phẩy ba mét vuông*) trong đó có 52,6 m² (*Năm mươi hai phẩy sáu mét vuông*) đất thuộc hành lang an toàn giao thông đường bộ được xác định bằng các tọa độ khép kín (11-12-13-14-15-16-17-18-19-20-21-22-11) theo mảnh chính lý thửa đất do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai H xác lập ngày 12/01/2024. Diện tích đất nói trên thuộc thửa số đất 209, tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại khu phố L, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Ông Liêng Tấn T được quyền sử dụng, định đoạt toàn bộ số cây bạch đàn trên diện tích đất được chia.

- Chia cho ông Liêng Tấn C 1.892,2 m² đất (*Một ngàn tám trăm chín mươi hai phẩy hai mét vuông*) trong đó có 104,7 m² (*Một trăm lẻ bốn phẩy bảy mét vuông*) đất thuộc hành lang an toàn giao thông đường bộ được xác định bằng các tọa độ khép kín (1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-22-23-1) theo mảnh chính lý thửa đất do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai H xác lập ngày 12/01/2024. Diện tích đất nói trên thuộc thửa số đất 209, tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại khu phố L, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Buộc ông Liêng Tấn T phải trả cho vợ chồng ông Liêng Tấn C và bà Hoàng Thị H 13.125.000 đồng (*Mười ba triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) tiền trị giá cây trồng trên diện tích đất mà ông T được chia. Ông T có toàn quyền sử dụng số cây trên phần diện tích đất được chia.

- Buộc ông Liêng Tấn C và bà Hoàng Thị H tháo dỡ trụ bê tông và hàng rào dây thép gai trên phần diện tích đất được chia của ông Liêng Tấn T để trả lại mặt bằng cho ông T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các bên đương sự có quyền liên hệ với các cơ quan chức năng để thực hiện việc đăng ký, kê khai việc sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo mảnh chính lý địa chính thửa đất số 209, tờ bản đồ số 33 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H xác lập ngày 12/01/2024).

4. Về án phí:

4.1 Về án phí sơ thẩm:

- Ông Liêng Tấn T phải chịu 12.021.604 đồng (*Mười hai triệu không trăm hai mươi một ngàn sáu trăm lẻ bốn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 1.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0021322 ngày 03/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Thuận. Ông Liêng Tấn T còn phải nộp 10.521.604 đồng (*Mười triệu năm trăm hai mươi một ngàn sáu trăm lẻ bốn đồng*).

- Ông Liêng Tấn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4.2 Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Liêng Tấn T phải chịu án phúc thẩm 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0014838 ngày 08/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H. Ông Liêng Tấn T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Ông Liêng Tấn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 19/8/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện H;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS;

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Thanh Hòa

